

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai dự toán ngân sách bổ sung kinh phí làm thêm giờ năm 2024 của Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường tiểu học Vĩnh Lộc 1 thông báo tổ chức niêm yết công khai dự toán ngân sách bổ sung kinh phí làm thêm giờ năm 2024.

- Thời gian niêm yết: niêm yết công khai trong vòng một tháng kể từ ngày ra thông báo.

- Thành phần hồ sơ niêm yết: Quyết định số 503 /QĐ-THVL1 ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc công bố công khai dự toán ngân sách bổ sung kinh phí làm thêm giờ năm 2024 của Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1; Quyết định số 10576/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Bình Chánh về điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024 cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập.

Địa điểm niêm yết: tại trụ sở trường tiểu học Vĩnh Lộc 1

Trên đây là Thông báo của trường tiểu học Vĩnh Lộc 1./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phan Văn Cư

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách bổ sung kinh phí làm thêm giờ năm 2024 của Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 10576/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Bình Chánh về điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024 cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập;

Xét đề nghị của Hội đồng sư phạm nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách bổ sung kinh phí làm thêm giờ năm 2024 của Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1 (theo Biểu số 2- Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1 và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC –KH BC;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phan Văn Cư



Đơn vị: Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: 503/QĐ-THVL1 ngày 24 tháng 12 năm 2024
của trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13,2
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	13,2
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13,2
	Mục 6100: Phụ cấp lương	
	TM 6105: Phụ cấp làm thêm giờ	13,2
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

Số: 10576 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Chánh, ngày 10 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024
cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách Nhà nước;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 3735/TTr-TCKH ngày 22 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2024 cho các trường công lập, số tiền: **8.533.527.000 đồng** (Bằng chữ: Tám tỷ, năm trăm ba mươi ba triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng) từ nguồn sự nghiệp giáo dục của ngân sách Huyện, theo danh sách dự toán đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán được giao, Hiệu trưởng các trường công lập thực hiện phân bổ đúng theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bình Chánh và Hiệu trưởng các trường công lập chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTUBND/H;
- P.TCKH, KBNN;
- Lưu: VT, TH (Tg).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Đức Thanh



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2

BẢNG ĐIỀU CHỈNH TĂNG/GIẢM DỰ TOÁN NĂM 2024

Chương 622-Khoản 072

*(Đính kèm Quyết định số 10576 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Huyện)*

ĐVT: đồng

Stt	Tên Trường Tiểu học	Mã ĐVQHNS	Điều chỉnh tăng/giảm dự toán		
			Cộng	Nguồn 13	Nguồn 12
1	2	3	4=5+6	5	6
	Cộng		1.619.075.000	-665.605.000	2.284.680.000
1	Bình Hưng	1086058	69.000.000	0	69.000.000
2	Vĩnh Lộc B	1005942	37.205.000	18.605.000	18.600.000
3	Tân Nhựt 6	1068135	79.545.000	11.500.000	68.045.000
4	Tân Túc	1070114	135.000.000	0	135.000.000
5	Lê Minh Xuân 2	1015879	51.000.000	0	51.000.000
6	Qui Đức	1002377	358.140.000	218.140.000	140.000.000
7	An Hạ	1049564	97.000.000	0	97.000.000
8	Tân Kiên	1016006	-207.455.000	-207.455.000	0
9	Phong Phú	1049557	-59.715.000	-154.995.000	95.280.000
10	Hưng Long	1068136	-266.125.000	-99.125.000	-167.000.000
11	Vĩnh Lộc A	1049563	-84.000.000	-103.000.000	19.000.000
12	Trần Nhân Tôn	1085972	48.000.000	10.000.000	38.000.000
13	Phạm Văn Hai	1004478	-139.305.000	-139.305.000	0
14	Tân Quý Tây 3	1049560	-35.265.000	-61.000.000	25.735.000
15	Tân Quý Tây	1005938	89.000.000	0	89.000.000
16	Bình Lợi	1059679	204.130.000	70.130.000	134.000.000
17	Lê Minh Xuân 3	1059677	0	0	0
18	An Phú Tây	1057917	-160.000.000	-160.000.000	0

Stt	Tên Trường Tiểu học	Mã ĐVQHNS	Điều chỉnh tăng/giảm dự toán		
			Cộng	Nguồn 13	Nguồn 12
1	2	3	4=5+6	5	6
19	Nguyễn Văn Trân	1015953	97.000.000	97.000.000	0
20	Vĩnh Lộc 1	1015880	13.200.000	0	13.200.000
21	Bình Chánh	1015951	-160.000.000	-160.000.000	0
22	Tân Nhựt	1005939	138.680.000	16.680.000	122.000.000
23	Võ Văn Vân	1086035	-2.220.000	-105.220.000	103.000.000
24	Cầu Xáng	1017516	46.015.000	-117.985.000	164.000.000
25	Vĩnh Lộc 2	1049561	-160.000.000	-160.000.000	0
26	Lại Hùng Cường	1105300	323.395.000	229.395.000	94.000.000
27	Trần Quốc Toàn	1120652	490.160.000	326.160.000	164.000.000
28	Phạm Hùng	1122466	-116.652.000	-183.652.000	67.000.000
29	An Phú Tây 2	1124307	199.813.000	53.813.000	146.000.000
30	Phong Phú 2	1124373	70.125.000	-112.875.000	183.000.000
31	Huỳnh Văn Bánh	1127261	94.131.000	2.131.000	92.000.000
32	Tân Túc 2	1127579	43.000.000	-86.000.000	129.000.000
33	Kim Đồng	1129050	-118.927.000	-120.187.000	1.260.000
34	Lương Thế Vinh	1130857	33.821.000	10.261.000	23.560.000
35	Lê Quý Đôn	1131814	0	0	0
36	Nguyễn Bình Khiêm	1131924	282.261.000	212.261.000	70.000.000
37	Rạch Già	1132751	129.118.000	29.118.000	100.000.000

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH